TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HS-ST
Ngày: 06/03/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Luân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Rỡ

Ông Võ Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Đức – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thành Thủ - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 58/2023/TLST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 374/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Lê Nhật H, sinh ngày 25/4/2005 tại huyện T, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh S, sinh năm 1973 và bà Lê Thị Diệu H, sinh năm 1977; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 24/6/2023, đến ngày 03/7/2023 khởi tố chuyển tạm giam. Đến ngày 14/9/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng cho gia đình bảo lĩnh cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Trọng N, sinh ngày 13/4/2006 tại huyện T, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N1, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1977; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt khẩn cấp, bị tạm giữ từ ngày 24/6/2023 đến ngày 03/7/2023 khởi tố chuyển tạm giam. Đến ngày 22/8/2023 Viện kiểm sát nhân

dân huyện Giồng Riềng cho gia đình bảo lĩnh cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn H, sinh ngày 08/7/1991 tại huyện T, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp Thạnh An 2, xã Thạnh Đông A, huyện T, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Bé Ba, sinh năm 1968 và bà Thái Thị Cẩm, sinh năm 1970; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt khẩn cấp, bị tạm giữ từ ngày 26/6/2023 đến ngày 03/7/2023 khởi tố chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Văn P, sinh ngày 15/11/2000, tại huyện T, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp N, xã Đ, huyện T, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Không rõ cha là ai, mẹ là Nguyễn Thanh T, sinh năm 1981; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 24/6/2023 đến ngày 03/7/2023 khởi tố chuyển tạm giam. Đến ngày 19/9/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng cho gia đình bảo lĩnh cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Trọng N: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp TT, xã Đ, huyện T, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- Người bào chữa: Ông Bùi Đức Đ - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang bào chữa cho bị cáo Trần Trọng N (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Trương Thanh H, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

2. Chị Thái Kim Q, sinh năm 1998. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

3. Anh Trần Văn T, sinh năm 2007. Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

4. Anh Trần Phú H, sinh năm 2008. Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 19/6/2023, Lê Nhật H, Trần Trọng N, Trần Phú H,

Trần Thanh T, Nguyễn Văn P, tổ chức uống rượu tại nhà H tại ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Trong lúc uống rượu, N có nói chuyện mâu thuẫn với chủ quán Trà sữa tên Trần Thanh V ngụ tại ấp A1, xã R, huyện T vào ngày 17/6/2023, nên rủ cả nhóm đi tìm Thanh V, nhưng lúc này chưa đi. Một lúc sau, Lê Nhật H có gọi điện thoại (qua Messinger) cho Trương Nhật H1, trú tại ấp B, xã T, huyện G, thì xảy ra cự cải qua điện thoại nên Lê Nhật H cầm ly thuỷ tinh tự đập vào đầu mình và rủ cả nhóm đi tìm Trương Nhật H1 để đánh nhau. Tất cả đồng ý, khi đi H lấy theo 02 cây dao bầu (loại dao cắt thịt heo) bằng kim loại, N mang theo dao tự chế bằng kim loại dài 93cm (mũi dao bầu nhọn giống cây "đao"). Tất cả đi trên 02 xe mô tô, khi đến quán trà sữa Mộc Trà (huyện T) thấy có nhiều người đang ngồi uống nước và trong đó có Đ là người mâu thuẫn trước đó với N nên cả nhóm quay lại đánh Đ và gây sự với một số người có mặt tại quán Mộc trà. Thời điểm này, H kêu P chở về nhà H lấy thêm dao nên P chở H về nhà H lấy thêm dao tầm bức bằng kim loại, khi đến thì đã đánh xong, tại đây sự việc diễn ra nhanh và không xảy ra thiệt hại gì. Sau đó, cả nhóm lên xe đi tiếp đến nhà L (không rõ nhân thân lai lịch) thuộc huyện T. Tại đây, Lê Nhật H mượn điện thoại của Chí H (không rõ nhân thân, lai lịch) tiếp tục gọi điện thoại cho Trương Nhật H1, nhưng Nguyễn Thái A cầm lấy điện thoại của Trương Nhật H1 và cự cải với Lê Nhật H. Lúc này, Nguyễn Văn H đang có mặt tại đây nên H đã rủ H1 cùng đi. H1 đồng ý, lấy 02 cây dao theo, đưa cho T cầm 01 cây, H1 cầm 01 cây. Rồi cả nhóm 06 người cùng lên 02 xe đi về hướng xã B để giải quyết mâu thuẫn như ý định ban đầu của nhóm. Trên đường đi N có đưa mũi dao xuống mặt đường làm phát ra tia lửa và âm thanh.

Khi đến quán Trà sữa của anh Trần Thanh V (trước nhà ông Trương Văn H) tại ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang, lúc này khoảng 20 giờ 15 phút cùng ngày. Lúc đó có khoảng 05 đến 10 người đang ngồi uống nước tại đây, H và N cầm theo hung khí xuống xe vừa chạy vừa la lối, chửi lớn tiếng, ồn ào, làm những người trong quán hoảng sợ, chạy vào phòng tại nhà ông H đóng cửa lại. Lúc này, H cầm 02 cây dao bầu, N cầm dao tự chế bằng kim loại dài 93cm (giống cây "đao"), T cầm dao tự chế bằng kim loại dài 58,5cm, H1 cầm dao tự chế bằng kim loại dài 105,3cm, H cầm dao tầm bức bằng kim loại dài 40,3cm tiếp tục đuổi theo vào trước cửa phòng la, chửi lớn tiếng, N cầm dao tự chế chém nhiều nhát vào cánh cửa phòng làm hư hỏng cửa. Sau đó, N sang phòng đối diện dùng chân đạp vào cánh cửa phòng làm móp cánh cửa, T cũng dùng

chân đạp vào cánh cửa này. Riêng P ngồi ngoài xe không có cầm hung khí gì và cũng không có vào phía trong nhà ông H. Do không tìm thấy Nguyễn Thái A, Trương Nhật H1, Trần Thanh V và được mọi người can ngăn nên nhóm này lên xe bỏ về sự việc xảy ra khoảng 05 phút. Trên đường về phát hiện Nguyễn Hoàng K, đang cầm điện thoại đi về hướng nhóm của H do say rượu và trời tối tưởng là Trương Nhật H1 hoặc Thái A (người mà cả nhóm đang tìm). Do đó, H, N, T cầm hung khí chạy đuổi theo, còn H1 điều khiển xe theo sau. Thấy vậy, Khải bỏ chạy vào quán cơm của bà Thái Kim Q (đối diện nhà của anh Trương Văn H) đóng cửa lại trốn. Lúc này, H, H1, N cầm hung khí đến bao vây xung quanh quán la, chửi lớn tiếng, H cầm ghế nhựa đập vào cửa làm gãy chân ghế, N dùng dao tự chế chém vào cánh cửa quán làm hư hỏng 01 phần cánh cửa, rồi dùng dao chém làm hư hỏng ghế nhựa. Riêng T đứng ngoài sân, P và H đi xe đến sau không có tham gia gây rối tại đây. Sau khi nghe có Công an đến nên nhóm đối tượng lên xe bỏ đi. P chở H và N về nhà Lê Văn T tại ấp T, xã R, huyện T, tỉnh Kiên Giang trốn và cất giấu dao tự chế của N và dao tầm bức. H1 chở H, T về nhà H và cất giấu 02 cây dao tự chế của H1. Đến ngày 24/6/2023, H và N đến Công an xã Thạnh Bình đầu thú và giao nộp hung khí.

Tại kết luận giám định định giá tài sản số 20/TĐG-CT/HĐĐG ngày 09/8/2023, của hội đồng định giá trong tố tụng hình sự. Kết luận trị giá tài sản gồm:

"- 01 (một) cửa phòng kích thước 1,8m x 0,7m, khung bằng kim loại, phía trên có gắn kính kích thước 0,7m x 0,6m đã bị vở toàn bộ, trên khung kim loại có nhiều vết lún và thủng. Theo giá thị trường thời điểm hiện tại: Tỷ lệ còn lại: 50%. 1.000.000đồng/m^2 x (1,8m x 0,7m) x 50% = 630.000 đồng.

- 01 (một) cánh cửa ra vào kích thước 02m x 0,9m, khung bằng kim loại, phía trên có gắn kính. Trên khung kim loại có vết lún, trượt mài mòn phần kim loại kích thước 11cm x 1cm. Theo giá thị trường thời điểm hiện tại: Tỷ lệ còn lại: 50%. 1.000.000đồng/m^2 x (2m x 0,9m) x 50% = 720.000 đồng.

- 01 (một) cánh cửa trước, loại cửa xếp bằng tole tại vị trí cách vách bên phải 3,2m và cách nền 1,13m có một vết đứt, thủng tole kích thước 42cm x 28cm. Theo giá thị trường thời điểm hiện tại: Tỷ lệ còn lại: 50%. 500.000đồng/m^2 x (0,42m x 0,28m) x 50% = 29.400 đồng.

- 01 (một) cái ghế nhựa (loại ghế nhỏ) bị hư hỏng toàn bộ. Theo giá thị trường thời điểm hiện tại: Tỷ lệ còn lại: 50%. 95.000đồng/cái x 50% = 47.500đồng.

Tổng cộng: 1.426.900đồng (Một triệu, bốn trăm hai mươi sáu ngàn chín trăm đồng."

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên Quyết định truy tố các bị cáo về tội "*Gây rối trật tự công cộng*" theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Nhật H mức án từ 6 đến 9 tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Trọng N mức án từ 5 đến 7 tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H mức án từ 6 đến 9 tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P mức án từ 6 đến 9 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Đại diện gia đình Trần Trọng N thay mặt gia đình các bị cáo khác đã khắc phục tiền cho bà Q tiền sửa cánh cửa là 1.800.000 đồng và đã bồi thường thiệt hại cho ông H. Bà Q, ông H có đơn không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Trước khi mở phiên tòa các bị cáo khác đã cung cấp biên lại thu tiền khắc phục hậu quả đã nộp tại Chi cục Thi hành án (mỗi bị cáo 450.000 đồng), các bị cáo thống nhất cho gia đình bị cáo N nhận số tiền khắc phục hậu quả mỗi người 450.000 đồng đã nộp nêu trên. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc này.

- Về biện pháp tư pháp*:* Đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

* Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) con dao tự chế bằng kim loại chiều dài 58,5cm, có phần cán tròn, rỗng ruột, chiều dài 16,5cm, đường kính 3,5cm, có gắn nắp nhựa màu đỏ ở phần đuôi cán dao, phần lưỡi chiều dài 42cm, rộng 3,5cm, sắc bén một bên, bên còn lại tù, mũi dao bầu nhọn, đã qua sử dụng có rỉ sét;

- 01 (một) con dao tự chế bằng kim loại chiều dài 105,3cm, có phần cán tròn, rỗng ruột, chiều dài 20cm, đường kính 3,8cm có quấn băng keo trắng, phần lưỡi

dài 44cm, rộng 7,5cm, sắc bén một bên, bên còn lại tù, mũi dao bầu nhọn giống cây "Đao", đã qua sử dụng có rỉ sét;

- 02 (hai) cây dao bầu (loại dao cắt thịt heo) bằng kim loại. Gồm 01 (một) cây có chiều dài 33cm, phần cán dao tròn rỗng ruột dài 10,5cm, đường kính 2,5cm; phần lưỡi dao dài 22,5cm, rộng 6cm, mụi bầu nhọn; 01 (một) cây có chiều dài 33cm, phần cán dao tròn rỗng ruột dài 10.9cm, đường kính 2,5cm; phần lưỡi dao dài 22,1cm, rộng 6,2cm mũi dao bầu nhọn. Tất cả đều đã qua sử dụng có rỉ sét;

- 01 (một) cây dao tầm bức bằng kim loại có chiều dài 40,3cm, phần lưỡi dài 29,5cm, rộng 07cm sắc bén một bên, bên còn lại tù, mũi dao bằng; phần cán tròn đường kính 03cm, dài 10,8cm. Đã qua sử dụng có rỉ sét.

* Tịch thu sung quỹ: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, loại RAIDER màu đỏ đen (sơn lại màu trắng đỏ đen), biển số 68T1-611.92, số máy: CGA1552147, số khung: RLSDL11ANMV152161. Xe đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng hoạt động.

Đối với Trần Thanh T và Trần Phú H tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Ngày 29/8/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra ra quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo, giao cho gia đình và địa phương quản lý giáo dục.

Ông Bùi Đức Đ là người bào chữa cho bị cáo Trần Trọng N có ý kiến như sau: Thống nhất với cáo trạng của Viện kiểm sát đối với bị cáo N. Tuy nhiên, bị cáo dưới 18 tuổi là người chưa thành niên, chưa nhận thức đầy đủ, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, thời điểm phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54, Điều 91 Bộ luật Hình sự để hạ khung hình phạt và xem xét mức án phù hợp đối với người chưa thành niên phạm tội cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Các bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo để bị cáo được sớm được hòa nhập với cộng đồng, lao động nuôi bản thân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Riềng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo, bị hại đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo H, N, H1, P thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng với nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, cụ thể:

Vào khoảng 20 giờ ngày 19/6/2023 Lê Nhật H, Trần Trọng N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn P cùng với Trần Thanh T, Trần Phú H chuẩn bị hung khí gồm: 03 cây dao tự chế; 02 cây dao bầu; 01 cây dao tầm bức. Cả nhóm đi từ huyện T đi đến quán Trà sửa của anh Trần Thanh V tại ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang, mục đích tìm anh Nguyễn Thái A và Trương Nhật H1 đánh nhau do có mâu thuẫn với hai người này, đồng thời trước đó ngày 17/6/2023 thì N có mâu thuẫn với anh Trần Thanh V chủ quán trà sữa nên các bị cáo bàn bạc cùng đi đánh nhau. Khi đến quán trà sửa Lê Nhật H, cùng Trần Trọng N cầm hung khí la lối mất an ninh trật tự làm khách uống Trà sữa tại quán anh Trần Thanh V bỏ chạy vào nhà ông Trương Văn Hải đóng của lại. Khi đó H, N, H1, cùng với T và H tiếp tục cầm hung khí đuổi theo la lối trước cửa phòng, N cầm dao tự chế chém nhiều nhát vào cánh cửa phòng, tiếp tục qua phòng thứ hai đối diện dùng chân đạp làm móp cánh cửa. Do không tìm thấy A và Trương Nhật H1 nên cả nhóm lên xe qua Hội Chợ để tìm A và Trương Nhật H1, sau đó không tìm gặp thì đi về cầu Cò Tuất (giao nhau giữa Giồng Riềng và T), khi đó phát hiện Nguyễn Hoàng K đi về hướng nhóm của H, do say rượu và trời tối nên tưởng là Trương Nhật H1 hoặc Thái A nên H, N, T cầm hung khí đuổi theo, K bỏ chạy vào quán cơm của bà Thái Kim Q (đối diện nhà của anh Trương Văn H) lẫn trốn. Lúc này H1, H, N cầm hung khí la lối lớn tiếng kêu K ra. Sau đó H cầm ghế nhựa đập làm bị gãy chân ghế, N cầm dao tự chế chém cánh cửa quán và chém vào ghế nhựa làm hư hỏng. Lúc này thì Tg đứng ngoài sân, P và H đi xe đến sau nên không có gây rối tại đây. Sau đó nghe có Công an đến nên cả nhóm bỏ chạy. Đến ngày 24/6/2023 H và N đến Công an xã Thạnh Bình đầu thú.

Như vậy, lời khai nhận của các bị cáo H, N, H1, P về hành vi vi phạm và các tình tiết của vụ án phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Các bị cáo H, N, H1, P là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, biết hành vi của mình gây nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương và ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của người dân nơi đây và có sử dụng hung khí trong lúc thực hiện hành vi. Đối chiếu hành vi của các bị cáo với quy định của Bộ luật Hình sự đã đủ căn cứ kết luận các bị cáo đã phạm tội "*Gây rối trật tự công cộng*". Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang truy tố các bị cáo về tội "*Gây rối trật tự công cộng*" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 178 của Bộ luật Hình sự hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đối với Trần Thanh T và Trần Phú H tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Ngày 29/8/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra ra quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo, giao cho gia đình và địa phương quản lý giáo dục là đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất mức độ phạm tội; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

[3.1] Về tính chất mức độ phạm tội:

Các bị cáo phạm tội do phát sinh từ mâu thuẫn cá nhân, cùng rủ nhau đi giải quyết mâu thuẫn, các bị cáo đồng phạm về tối "*Gây rối trật tự công cộng*" nhưng không có sự câu kết chặt chẽ nên đây là đồng phạm giản đơn, không phải là phạm tội có tổ chức.

Các bị cáo Lê Nhật H và Trần Trọng N là người thể hiện vài trò chủ mưu, cầm đầu do 02 bị cáo là người rủ rê, lôi kéo các bị cáo khác và là người trực tiếp thực hiện hành vi đập phá gây thiệt hại về tài sản tại nhà ông H và quán cơm của chị Q. Các bị cáo H, N thực hiện phạm tội quyết liệt hơn các bị cáo khác.

Đối với bị cáo H1 là do bị cáo H rủ rê, lôi kéo không gây thiệt hại khi phạm tội, tại địa điểm nhà của ông H hành vi phạm tội của H1 không quyết liệt, khi đến quán cơm của chị Q thì H1 điều khiển xe theo nhưng không thực hiện gây rối.

Đối với bị cáo P mặc dù không mang theo hung khí và không trực tiếp gây rối nhưng không ngăn cản các bị cáo khác mà còn chở H, N lấy hung khí và chở H, N đến nơi để đánh nhau. Sau khi gây án thì chở H và N đi trốn và cất giấu hung khí.

Như vậy bị cáo P mặc dù không trực tiếp gây rối nhưng đồng phạm với vai trò giúp sức rất tích cực để các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ:

Quá trình điều tra, truy tố, cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Xét thấy, trong quá trình điều tra chỉ thể hiện là gia đình bị cáo N bồi thường, khắc phục hậu quả cho những người bị thiệt hại. Tại phiên tòa, các bị cáo khác (H, P, H1) cung cấp các biên lai thu tiền khắc phục hậu quả (nộp trước khi mở phiên tòa) và có ý kiến xin được cùng với gia đình bị cáo N bồi thường thiệt hại và bị cáo N cùng gia đình cùng đồng ý. Đồng thời gia đình bị cáo N cũng xác định sau khi gây án, các bị cáo khác có tác động với gia đình để liên hệ với gia đình bị cáo N nhằm bồi thường cho người bị thiệt hại, nhưng do số tiền không lớn nên gia đình bị cáo N tự bồi thường trước. Nay các bị cáo khác hoàn lại số tiền này cho gia đình bị cáo N. Như vậy,có thể xem là các bị cáo đã cùng nhau liên đới bồi thường cho những người liên quan bị thiệt hại. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận áp dụng tình tiết bồi thường, khắc phục hậu quả cho các bị cáo.

Bị cáo H, P đầu thú, bị cáo N có bà nội và bà ngoại là người có công với cách mạng, bị cáo H1 có ông nội là người có công với cách mạng.

Do đó các bị cáo đủ điều kiện áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo H, N, P còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo H1 tại phiên tòa có cung cấp Huy chương kháng chiến hạng nhất tên Thái Tần M, bị cáo cho rằng là ông ngoại của bị cáo. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra bị cáo không cung cấp thông tin này cho người tiến hành tố tụng, tại phiên tòa gia đình bị cáo và bị cáo không cung cấp được bản gốc tài liệu này, cũng không có xác nhận của địa phương là ông Thái Tần M có phải ông ngoại của bị cáo hay không nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét tình tiết này cho bị cáo.

- Về nhân thân của các bị cáo:

Trước khi thực hiện hành vi ngày 19/6/2023 thì vào ngày 21/5/2023 các bị cáo H và N đã thực hiện hành vi cố ý gây thương tích, bị xử phạt vi phạm hành chính

mỗi người số tiền 6.500.000 đồng (Theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 54/QĐ-XPHC và số 56/QĐ-XPHC ngày 20/7/2023 của Công an huyện Giồng Riềng). Tuy nhiên, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính được ban hành sau khi các bị cáo thực hiện hành vi "Gây rối trật tự công cộng" nên không thể xác định khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là người đã bị xử phạt vi phạm hành chính. Do đó, Hội đồng xét xử xác định tại thời điểm phạm tội bị cáo không có tiền sự, nhưng vẫn xác định các bị cáo H và N có nhân thân xấu.

Đối với bị cáo H1 phạm tội trộm cắp tài sản bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 6 tháng tù (tại Bản án số 19/2023/HS-ST ngày 22/8/2023), hành vi phạm tội gây rối trật tự công cộng là vào tháng 19/6/2023. Do đó, Hội đồng xét xử xác định tại thời điểm phạm tội bị cáo không có tiền án. Hình phạt tại bản án nêu trên sẽ được tổng hợp trong bản án này theo quy định và xác định bị cáo có nhân thân xấu.

Bị cáo P chưa có tiền án, tiền sự nên Hội đồng xét xử xác định bị cáo có nhân thân tốt.

[4] Về hình phạt:

Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy các bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, thiệt hại xảy ra không lớn, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để chuyển khung hình phạt cho các bị cáo. Tuy nhiên hành vi của các bị cáo là xem thường pháp luật, xâm phạm đến trật tự công cộng, cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo N, tại thời điểm phạm tội là người chưa thành niên do đó sẽ được áp dụng các quy định đối với người chưa thành niên phạm tội cho bị cáo tại Điều 91 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Đại diện gia đình Trần Trọng N thay mặt gia đình các bị cáo khác đã khắc phục tiền cho bà Thái Kim Q tiền sửa cánh cửa với số tiền 1.800.000 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo khác cung cấp biên lại thu tiền khắc phục hậu quả đã nộp tại Chi cục Thi hành án (mỗi bị cáo 450.000 đồng), các bị cáo thống nhất cho gia đình bị cáo N nhận số tiền khắc phục hậu quả mỗi người 450.000 đồng đã nộp nêu trên để cùng nhau khắc phục hậu quả. Xét thấy, thỏa thuận của các bị cáo và gia đình bị cáo là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét

xử ghi nhận. Bị cáo Trần Trọng N (đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị Kim L) được nhận lại các số tiền như sau: Số tiền 450.000 đồng theo lai thu số 0006962 ngày 06/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng (do Lê Thị Diệu H nộp thay Nguyễn Văn P); số tiền 450.000 đồng theo lai thu số 0006960 ngày 06/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng (do Lê Thị Diệu H nộp thay Lê Nhật H); số tiền 450.000 đồng theo lai thu số 0006961 ngày 06/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng (do Lê Thị Diệu H nộp thay Nguyễn Văn H).

Anh Trương Văn H và chị Thái Kim Q tự thỏa thuận với các bị cáo và có đơn không yêu cầu bồi tường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về biện pháp tư pháp:

* Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) con dao tự chế bằng kim loại chiều dài 58,5cm, có phần cán tròn, rỗng ruột, chiều dài 16,5cm, đường kính 3,5cm, có gắn nắp nhựa màu đỏ ở phần đuôi cán dao, phần lưỡi chiều dài 42cm, rộng 3,5cm, sắc bén một bên, bên còn lại tù, mũi dao bầu nhọn, đã qua sử dụng có rỉ sét;

- 01 (một) con dao tự chế bằng kim loại chiều dài 105,3cm, có phần cán tròn, rỗng ruột, chiều dài 20cm, đường kính 3,8cm có quấn băng keo trắng, phần lưỡi dài 44cm, rộng 7,5cm, sắc bén một bên, bên còn lại tù, mũi dao bầu nhọn giống cây "Đao", đã qua sử dụng có rỉ sét;

- 02 (hai) cây dao bầu (loại dao cắt thịt heo) bằng kim loại. Gồm 01 (một) cây có chiều dài 33cm, phần cán dao tròn rỗng ruột dài 10,5cm, đường kính 2,5cm; phần lưỡi dao dài 22,5cm, rộng 6cm, mụi bầu nhọn; 01 (một) cây có chiều dài 33cm, phần cán dao tròn rỗng ruột dài 10.9cm, đường kính 2,5cm; phần lưỡi dao dài 22,1cm, rộng 6,2cm mũi dao bầu nhọn. Tất cả đều đã qua sử dụng có rỉ sét.

- 01 (một) cây dao tầm bức bằng kim loại có chiều dài 40,3cm, phần lưỡi dài 29,5cm, rộng 07cm sắc bén một bên, bên còn lại tù, mũi dao bằng; phần cán tròn đường kính 03cm, dài 10,8cm. Đã qua sử dụng có rỉ sét.

* Tịch thu sung quỹ: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, loại RAIDER màu đỏ đen (sơn lại màu trắng đỏ đen), biển số 68T1-611.92, số máy: CGA1552147, số khung: RLSDL11ANMV152161. Xe đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng hoạt động.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và ý kiến của người bào chữa: Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp

dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và các vấn đề khác đối với bị cáo là có căn cứ. Nên HĐXX chấp nhận. Chấp nhận ý kiến của người bào chữa cho bị cáo N.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo H, N, H1, P mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, khoản 2 Điều 136, Điều 292, Điều 331, Điều 332 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Nhật H, Trần Trọng N, Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn P phạm tội "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Nhật H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án (được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/6/2023 đến ngày 14/9/2023).

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Trọng N 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án (được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/6/2023 đến ngày 22/8/2023).

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 55, Điều 56; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 08 (tám) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Tổng hợp hình phạt với Bản án số 19/2023/HS-ST, ngày 22/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang đối với bị cáo Nguyễn Văn H về tội "*trộm cắp tài sản*" với mức án 06 (sáu) tháng tù.

Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 14 (mười bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 26/6/2023) và tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án (được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/6/2023 đến ngày 19/9/2023).

2. Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo và gia đình các bị cáo. Bị cáo Trần Trọng N (đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị Kim L) được nhận lại các số tiền như sau: Số tiền 450.000 đồng theo lai thu số 0006962 ngày 06/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng (do Lê Thị Diệu H nộp thay Nguyễn Văn P); Số tiền 450.000 đồng theo lai thu số 0006960 ngày 06/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng (do Lê Thị Diệu H nộp thay Lê Nhật H); Số tiền 450.000 đồng theo lai thu số 0006961 ngày 06/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng (do Lê Thị Diệu H nộp thay Nguyễn Văn H), sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về biện pháp tư pháp:

3.1 Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) con dao tự chế bằng kim loại chiều dài 58,5cm, có phần cán tròn, rỗng ruột, chiều dài 16,5cm, đường kính 3,5cm, có gắn nắp nhựa màu đỏ ở phần đuôi cán dao, phần lưỡi chiều dài 42cm, rộng 3,5cm, sắc bén một bên, bên còn lại tù, mũi dao bầu nhọn, đã qua sử dụng có rỉ sét;

- 01 (một) con dao tự chế bằng kim loại chiều dài 105,3cm, có phần cán tròn, rỗng ruột, chiều dài 20cm, đường kính 3,8cm có quấn băng keo trắng, phần lưỡi dài 44cm, rộng 7,5cm, sắc bén một bên, bên còn lại tù, mũi dao bầu nhọn giống cây "Đao", đã qua sử dụng có rỉ sét;

- 02 (hai) cây dao bầu (loại dao cắt thịt heo) bằng kim loại. Gồm 01 (một) cây có chiều dài 33cm, phần cán dao tròn rỗng ruột dài 10,5cm, đường kính 2,5cm; phần lưỡi dao dài 22,5cm, rộng 6cm, mụi bầu nhọn; 01 (một) cây có chiều dài

33cm, phần cán dao tròn rỗng ruột dài 10.9cm, đường kính 2,5cm; phần lưỡi dao dài 22,1cm, rộng 6,2cm mũi dao bầu nhọn. Tất cả đều đã qua sử dụng có rỉ sét.

- 01 (một) cây dao tầm bức bằng kim loại có chiều dài 40,3cm, phần lưỡi dài 29,5cm, rộng 07cm sắc bén một bên, bên còn lại tù, mũi dao bằng; phần cán tròn đường kính 03cm, dài 10,8cm. Đã qua sử dụng có rỉ sét.

3.2. Tịch thu sung quỹ: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, loại RAIDER màu đỏ đen (sơn lại màu trắng đỏ đen), biển số 68T1-611.92, số máy: CGA1552147, số khung: RLSDL11ANMV152161. Xe đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng hoạt động.

(Theo Lệnh nhập kho vật chứng số 34/LNK-CQĐT ngày 06/7/2023 của Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Riềng và Quyết định chuyển vật chứng số 16/QĐ-VKS ngày 11/10/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng).

4. Về án phí: Buộc các bị cáo H, N, H1, P mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các bị cáo; người đại diện của bị cáo và người bào chữa cho bị cáo N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 06/3/2024.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND huyện;
- Nhà tạm giữ CA huyện GR;
- Cơ quan cảnh sát điều tra huyện;

- Chi cục Thi hành án DS huyện;
- UBND xã;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu.

Hồ Ngọc Luân